

Hạ Long, ngày 06 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đầm Hà đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ...;

Căn cứ Quyết định số 269/2006/QĐ-TTg ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ "V/v phê duyệt đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 19/2/2009 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt đề cương và kinh phí lập Đề án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đầm Hà đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 19/2/2009 của UBND tỉnh "V/v thành lập Hội đồng thẩm định Đề án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đầm Hà đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020";

Căn cứ Biên bản họp ngày 11/6/2009 của Hội đồng thẩm định Đề án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đầm Hà đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Hà tại văn bản số 86/TT-UBND ngày 23/6/2009; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2264/KHĐT-THQH ngày 28/7/2008 "V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể

phát triển kinh tế - xã hội huyện Đầm Hà đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020";

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đầm Hà đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 với những nội dung sau:

I. Quan điểm phát triển:

- Phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đầm Hà đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ; Chiến lược phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và của tỉnh Quảng Ninh; Tạo mối liên kết phát triển giữa các vùng miền trong tỉnh, đặc biệt là Khu Kinh tế Vân Đồn; Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà và thành phố cửa khẩu quốc tế Móng Cái;

- Phát huy nội lực, tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài; tranh thủ tối đa sự hỗ trợ, hợp tác, liên kết từ Trung ương, của tỉnh và các địa phương lân cận; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững gắn với từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn;

- Kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển các lĩnh vực y tế, văn hoá, giáo dục... đảm bảo quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội và môi trường; cải thiện đời sống, nâng cao dân trí và sức khoẻ cộng đồng.

II. Mục tiêu phát triển:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế, tập trung xây dựng huyện phát triển nhanh theo hướng bền vững với cơ cấu kinh tế: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ thương mại, du lịch - nông lâm thuỷ sản; Thu hút các nhà đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ thương mại.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, chú trọng nâng cao chất lượng sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, gia đình, trẻ em và thực hiện tốt các chính sách xã hội. Bảo đảm an ninh quốc phòng, giữ gìn ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2008 đến 2015:

- Về phát triển kinh tế: Tăng trưởng kinh tế đạt 13,12% (2009 – 2010), trong đó công nghiệp TTCN 21,0%/năm, dịch vụ thương mại du lịch 16,5%/năm, nông lâm thuỷ sản tăng 7,5%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 11,01 triệu đồng/người/năm, tăng gần gấp 1,4 lần so với năm 2007, năm 2015 đạt 18,52 triệu đồng/người/năm.

- Phân đầu đến năm 2010 cơ cấu GDP (giá HH) là: nông - lâm - thuỷ sản 39,76%; công nghiệp xây dựng 18,40%; thương mại dịch vụ, du lịch 41,84%; năm 2015 cơ cấu tương ứng là 30,10%; 23,31%; 46,58%.

- Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011- 2015 đạt 11,99% trong đó: nông lâm thủy sản tăng 6%; công nghiệp xây dựng tăng 17,5%; thương mại dịch vụ tăng 14,5%;

- Nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội đến năm 2010 cần khoảng 849,83 tỷ đồng, giai đoạn 2011 - 2015 cần khoảng 1.890,74 tỷ đồng;

- Về phát triển xã hội: Phân đầu tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,2 %/năm thời kỳ 2009 - 2010 và 1,0%/năm thời kỳ 2011 - 2015, giảm tỷ suất sinh là 0,05%/năm, tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên giảm 0,1%/năm, không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 15,0% vào năm 2010 và còn dưới 10% vào năm 2015, nâng mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo. An ninh, quốc phòng được giữ vững, bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái.

b) Giai đoạn 2016 đến 2020:

- Về phát triển kinh tế: tiếp tục phát huy tiềm năng và lợi thế so sánh của huyện, mục tiêu về tăng trưởng giá trị sản xuất (giá CĐ 1994) giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,5%/năm: nông, lâm, thủy sản 5,0%; công nghiệp, xây dựng 15,50% và dịch vụ du lịch, thương mại 13,0%.

- Về cơ cấu giá trị tăng thêm (giá HH): đến năm 2020 nông lâm thủy sản 22,32%, công nghiệp xây dựng 27,83%, dịch vụ, thương mại du lịch 49,85%;

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016 – 2020 khoảng 3.142,11 tỷ đồng.

- Về phát triển xã hội: phân đầu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 0,9% năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo đói xuống còn 8%, tiếp tục nâng cao mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo. Công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

- Về bảo vệ môi trường: môi trường được đảm bảo, 90 - 95% dân số sử dụng nước hợp vệ sinh, thu gom và xử lý 100% rác thải sinh hoạt, xử lý chất thải rắn, cải tạo và xây dựng mới hệ thống thoát nước thải của khu đô thị, khu công nghiệp - TTCN.

III. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực:

1. Các ngành kinh tế chủ lực:

a) Nông - Lâm - Thủy sản:

- Giai đoạn 2009 - 2010: Tốc độ tăng trưởng GTSX (giá CĐ 1994) nông lâm ngư nghiệp 7,5%/năm, cơ cấu nông nghiệp 50,28 %, lâm nghiệp 7,82 %, thủy sản 41,36%.

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tốc độ tăng trưởng nông lâm nghiệp 6,0%/năm, cơ cấu nông nghiệp 48,20%, lâm nghiệp 8,27%, thủy sản 43,53%.

- Giai đoạn 2016 - 2020: GTSX nông lâm nghiệp tăng 5,0%/năm, cơ cấu nông nghiệp 46,23%; lâm nghiệp 8,70%, thủy sản 45,07%...

- Năng suất lao động toàn nền kinh tế và từng ngành không ngừng tăng lên, do kết quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế mang lại. Giá trị sản xuất nông nghiệp/1ha đạt 35 - 40 tr.đ vào năm 2010, 60 - 70 tr.đ vào năm 2020.

b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 21,0% (2009 – 2010) ; 17,5% (2011 – 2015) ; 15,50% (2016 – 2020); Dự kiến 2010 tỷ trọng công nghiệp chế biến 84,97%, công nghiệp khai thác 5,07%, CN điện nước 9,97%; năm 2020 tỷ trọng giá trị sản xuất tương ứng là: 86,12%; 4,31%; 9,57%.

- Nghiên cứu quy hoạch vùng ảnh hưởng thuộc địa phận hai xã Tân Bình, Đàm Hà và thị trấn Đàm Hà với giai đoạn II của Khu Công nghiệp - Cảng Biển Hải Hà trở thành đô thị dịch vụ vệ tinh... cung cấp trực tiếp cho khu công nghiệp - cảng biển. Xây dựng các khu dân cư liên tục dọc trục giao thông chính nối Đàm Hà và Quảng Hà theo chức năng của cụm công nghiệp liền kề.

- Thực hiện quy hoạch một số cụm, điểm công nghiệp - TTCN tại Tân Bình, Quảng Lâm; phát triển các cơ sở sản xuất các đồ thủ công, mây tre đan, sửa chữa đóng mới tàu thuyền, kim khí... theo quy hoạch làng nghề của tỉnh Quảng Ninh đến 2020.

- Nghiên cứu xây dựng xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu; chế biến thức ăn gia súc; chế biến chè; chế biến miến... khai thác quặng Kao lin-Pirôphylit (điểm Đèo Mây, Bình Hồ); khai thác cát - cuội - sỏi vật liệu xây dựng; khai thác khoáng sét ở Tân Bình, Đàm Hà; sản xuất gạch tuynel và xây dựng thêm 1 nhà máy sản xuất gạch không nung tại xã Đàm Hà; xây dựng xưởng đóng tàu thuyền công suất 1.000 tấn/pt/năm; Phát triển vùng nguyên liệu ngoài gỗ như song, mây tre nửa, giàng giàng ở khu vực hồ Đàm Hà Động để cung cấp nguyên liệu. Phát triển trồng rừng (keo lai, bạch đàn) tạo vùng nguyên liệu (tại các xã tiểu vùng 2) phục vụ chế biến bột giấy.

c) Phát triển thương mại, du lịch và dịch vụ:

- Phân đấu giá trị tăng thêm của ngành thương mại, dịch vụ giai đoạn 2007 - 2010 đạt 16,5 %/năm, thời kỳ 2011 - 2015 đạt 14,5 %/năm và thời kỳ 2016 - 2020 đạt 13,0 %/năm. Tạo bước phát triển quan trọng về chất lượng các loại hình dịch vụ, phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu đời sống của nhân dân.

- Xây dựng và tăng cường quản lý an ninh, trật tự và môi trường hệ thống chợ trên địa bàn huyện, tạo điều kiện đẩy mạnh lưu thông trao đổi hàng hoá, tăng số chợ lên 4 chợ vào năm 2010 và 6 chợ vào năm 2020.

- Phân đấu tốc độ tăng trưởng thương mại hàng năm đạt 16 - 18% đến năm 2010 tăng doanh thu từ hoạt động thương mại dịch vụ đạt 45 tỷ đồng, năm 2020 đạt gần 140 tỷ đồng.

- Quy hoạch xây dựng tuyến du lịch Hồ sinh thái Đàm Hà; tập trung quy hoạch thu hút các nhà đầu tư tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ du lịch;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách theo hướng hiện đại, an toàn và đảm bảo cạnh tranh lành mạnh. Phân đấu khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hoá tăng 11,50%/năm thời kỳ 2009 - 2010 và 9,60%/năm thời kỳ 2011 - 2020, khối lượng vận chuyển và luân chuyển hành khách tăng tương ứng là 8,63%/năm và 9,60%/năm.

- Thúc đẩy phát triển thị trường thông tin ; đổi mới hoạt động tài chính, tín dụng, ngân hàng, đa dạng hoá các tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện;

2. Phát triển các lĩnh vực xã hội:

a) Nguồn nhân lực:

Bảng 1: Dự báo dân số, lao động huyện Đàm Hà

Chỉ tiêu	Đơn vị	2007	2010	2020
Dân số trung bình	Người	33.205	34.415	37.828
Tỷ lệ tăng dân số	%	1,2	1,0	0,9
Tỷ lệ hộ nghèo	%	18,84	12,0	8,0
Số người trong độ tuổi LĐ	%	55,25	55,94	58,16
Số người được giải quyết việc làm mới trong năm	người	612	750	1.000

Bảng 2: Cơ cấu sử dụng lao động huyện Đầm Hà

Chỉ tiêu	Đơn vị	2007	2010	2020	TĐ tăng (%)	
					2008-2010	2011-2020
1. LĐ LV trong ngành KTQD	Người	18.347	19.250	22.000	1,61	1,34
- Nông lâm thủy sản	Người	14.705	15.100	16.800	1,18	0,94
- Công nghiệp XD	Người	1.219	1.350	1.700	3,46	2,33
- Thương mại dịch vụ	Người	2.423	2.600	3.500	2,38	3,02
2. Cơ cấu sử dụng lao động	%	100	100	100		
- Nông lâm thủy sản	%	80,15	79,48	76,36		
- Công nghiệp XD	%	6,64	7,01	7,73		
- Thương mại dịch vụ	%	13,21	13,51	15,91		

b) Giáo dục đào tạo:

- Đến năm 2015 có ít nhất 80% thanh thiếu niên thuộc đối tượng phổ cập giáo dục trung học (18 - 21) có bằng tốt nghiệp THPT hay tương đương hoặc tốt nghiệp đào tạo nghề dài hạn. Đến năm 2020 toàn huyện đạt chuẩn giáo dục trung học:

- Nâng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo từ 60% (hiện nay) lên 70% vào năm 2010 và 95% vào năm 2020. Tỷ lệ trẻ đến trường mầm non từ 5,2% lên 10%; trẻ em đi mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%. Huyện đạt phổ cập PTTH vào năm 2016. Đến 2015 có 1 trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Phân đầu tư nay đến năm 2020 tất cả các xã đều có trường mầm non;

c) Y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2010 đạt 60% ; Bổ sung bác sỹ và các loại trang thiết bị thiết yếu cho y tế tuyến xã, thôn (nhất là ở các xã vùng cao).

- Phần đầu 96% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng, 98% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiêm phòng uốn ván. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng từ 25% hiện nay xuống 20% năm 2010 và dưới 10% năm 2020. Phần đầu 100% xã tham gia có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia.

Định hướng phát triển y tế đến năm 2020

Chỉ tiêu	2007	2010	2020	TD tăng BQ (%)	
				2008-2010	2011-2020
Số giường bệnh (giường)	92,0	120,0	210,0	9,26	5,76
Số bác sỹ (người)	16,0	22,0	32,0	11,20	3,82
Dân số (vạn người)	3,32	3,44	3,76	1,19	0,90
Số bác sỹ/1 vạn dân (người)	4,9	6,40	8,50	9,28	2,89
Số giường bệnh/1 vạn dân	29,0	34,8	55,8	6,35	4,81

d) Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn:

- Cấp nước: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Đầm Hà công suất 2.000 - 3.000m³/ngày đảm bảo đáp ứng các nhu cầu dùng nước của thị trấn đến năm 2020. Xây dựng mới Hệ thống cấp nước của công trình hồ chứa nước Đầm Hà Động; bố trí xây dựng nhà máy nước công suất 500 m³/ngày ở xã Đầm Hà. Phần đầu 100% số hộ dân được cấp nước hợp vệ sinh vào năm 2010 (40% dân số được sử dụng nước sạch, riêng thị trấn 100%) và 90 - 94% dân số được sử dụng nước sạch vào năm 2020.

- Xây dựng các bể chứa nước sạch, các lu nước sạch, các công trình cấp nước sạch tự chảy (20 công trình tại các điểm vùng cao) của các thôn bản có đông đồng bào dân tộc sinh sống ở các tiểu vùng 2 của huyện. Dự kiến xây thêm 20 bể chứa nước sạch (2010) và 120 bể chứa nước sạch sinh hoạt (2015 - 2020).

- Phần đầu 100% số rác thải, chất thải, rác thải y tế... tồn đọng được thu gom, xử lý, giảm tác động tới môi trường...;

e) Văn hoá - thông tin, thể thao và du lịch:

- Đến năm 2010: 100% số xã có điểm bưu điện văn hoá, 70% làng có tủ sách pháp luật và tăng nhanh số làng có nhà văn hoá, sân vận động vui chơi, tập luyện thi đấu TDTT. Đến năm 2020: toàn huyện có 70 - 90% gia đình văn hoá, 70 - 90% số làng, cơ quan đạt tiêu chí văn hoá, 100% làng có tủ sách pháp luật, 100% số làng, cụm dân cư có đội văn nghệ hoạt động có hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng một tổng đài, trang bị hệ viba số và phủ sóng di động toàn khu. Sau khi Khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà - Đầm Hà vào hoạt động sẽ được xây dựng hạ tầng viễn thông bảo đảm yêu cầu thông tin liên lạc hiện đại.

- Phát triển sự nghiệp truyền thanh - truyền hình bảo đảm tính hiệu quả và bền vững, nâng cao chất lượng công nghệ thiết bị tiếp sóng, truyền dẫn và

chuyên tiếp nội dung các chương trình của Đài phát thanh - truyền hình của trung ương, của tỉnh.

IV. Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

1. Phát triển mạng lưới giao thông:

- Hoàn thiện việc cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Móng Dương - Móng Cái qua địa bàn huyện dài 18km đến năm 2010 từ cấp IV, V lên cấp III miền núi;

- Xây mới tuyến đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái có từ 4 - 6 làn xe, qua địa bàn huyện dài 20 km (theo Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đầu tư một số dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, thiết yếu giai đoạn đến năm 2020).

- Xây dựng tuyến đường nhánh nối từ đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái xuống huyện, đường ven biển kết nối với Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà;

- Xây dựng, nâng cấp mạng lưới đường liên xã tiêu chuẩn cấp VI hoặc giao thông nông thôn loại A, B, cầu cống xây dựng vĩnh cửu, mặt rải bê tông nhựa, đảm bảo thông xe 4 mùa;

- Đến năm 2020: xây dựng và nâng cấp 60,5km đường bê tông, đường nhựa và 8,0km đường cấp phối đến các xã, thị trấn, đường nội thị.

- Đường sắt: Giai đoạn 2016 - 2020 nghiên cứu việc xây dựng các tuyến đường sắt Hạ Long - Móng Cái (theo Quyết định số 34/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ đến năm 2020);

- Đường biển: Xây dựng mở rộng bến cảng Đầm Buôn (xã Đầm Hà) với mục đích tổng hợp phục vụ dân sinh vận chuyển hàng hoá, hành khách, cung cấp xăng dầu, công suất bốc dỡ 100 - 200 nghìn tấn hàng hoá/năm, tàu cỡ lớn từ 500 - 1.000 tấn;

- Xây dựng cảng Phúc Tiến (Tân Lập); Đại Thành (Đại Bình) làm bến đỗ cho tàu du lịch tuyến Hạ Long - Móng Cái.

2. Phát triển hệ thống thủy lợi và đê điều:

- Kiên cố hóa công trình hồ chứa Đầm Hà Động (tưới 3.485 ha) và hệ thống mương tưới nước theo quy hoạch được phê duyệt.

- Sửa chữa, nâng cấp hồ Tân Bình với tổng diện tích tưới 200 ha.

- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương các loại đảm bảo đáp ứng yêu cầu cơ bản phục vụ tưới tiêu cho sản xuất và sinh hoạt, đầu tư cải tạo nâng cấp các tuyến đập đầu nguồn quan trọng nhằm nâng cao khả năng chủ động tưới nước.

3. Bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin:

- Phần đầu đến 2010, 100% số xã có điểm bưu điện văn hoá xã.

- Phần đầu tăng thời lượng phát sóng chương trình truyền thanh - truyền hình địa phương, duy trì thời lượng tiếp sóng chương trình truyền hình 18h/ngày, phát thanh 6h/ngày, diện phủ sóng truyền hình đạt 95% vào năm 2010 và đạt 100% vào năm 2015.

- Đến 2015 mật độ điện thoại cố định và di động đạt 30 máy/100 dân và đạt 40 máy/100 dân (2020), tỷ lệ người truy cập internet 20 - 25%.

4. Phát triển hệ thống điện:

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch hệ thống lưới điện trung và cao áp đã được phê duyệt. Đến năm 2020 nhu cầu xây dựng 27 trạm điện với tổng công suất là 3170 KVA, nâng cấp 08 trạm điện với tổng công suất 540 KVA.

- Về cấp điện nông thôn: mục tiêu đến năm 2015 có 100% số hộ nông thôn sử dụng điện lưới quốc gia.

V. Định hướng phát triển theo lãnh thổ và đô thị hoá:

1. Phát triển không gian đô thị:

- Xu hướng phát triển kinh tế - xã hội đang diễn ra thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đô thị hoá. Định hướng phát triển đô thị đến năm 2020 huyện Đầm Hà thành đô thị loại IV, phát triển về phía Đông, nằm trong chuỗi đô thị, thị xã miền Đông của tỉnh.

- Phát triển thêm các thị tứ, trung tâm cụm xã, trên trục đường liên huyện và các trục đầu mối đường liên xã. Hai trung tâm cụm xã Quảng An, Quảng Lợi cần được phát triển sớm, tạo cơ sở phát triển kinh tế - xã hội khu vực vùng cao của huyện.

- Mở rộng thị trấn Đầm Hà lên 800 - 1.000 ha và xây mới hiện đại 360,0 ha, đảm bảo chức năng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của vùng miền Đông (theo chuỗi Vân Đồn - Tiên Yên - Đầm Hà - Hải Hà - Móng Cái). Xây dựng hai khu công viên phía Bắc và phía Nam thị trấn kết hợp với khu cây xanh hai bên bờ sông Đầm Hà.

- Các khu đô thị phụ cận mới (giai đoạn II, 2020 - 2025) nằm dọc theo tuyến Tân Bình - Đường Hoa phục vụ cho Khu Công nghiệp - Cảng biển Hải Hà (đã có Quy hoạch).

2. Đẩy mạnh khai thác các tiểu vùng kinh tế:

a) Tiểu vùng đồng bằng ven biển: bao gồm các xã Đại Bình, Tân Bình, Đầm Hà và thị trấn Đầm Hà. Vùng có diện tích 10.716 ha chiếm 37% diện tích toàn huyện, đất đai chủ yếu là đất sa bồi đồng bằng và đất cát ven biển; dân cư sống tập trung có trình độ văn hóa và kinh nghiệm thâm canh sản xuất nông nghiệp cho phép đẩy mạnh phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản và trồng cây lương thực, thực phẩm.

Hướng ưu tiên đầu tư: đầu tư các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh tăng năng suất đối với các cây trồng: lúa, rau, quả vụ đông; chăn nuôi lợn và gia cầm; chế biến nước mắm; chế biến thực phẩm từ đậu tương; chế biến thức ăn gia súc từ ngô; trồng và chế biến chè (tập trung vào các điểm công nghiệp vừa và nhỏ). Đối với kết cấu hạ tầng tập trung cho các hạng mục quan trọng như xây dựng cảng Đầm Buôn là cảng hậu cần nghề cá và vận tải thương mại (2015); xây dựng đê bao và hệ thống thủy lợi cho các khu NTTS tập trung ở Đầm Hà và Tân Bình; Đại Bình; quy hoạch xây dựng các điểm công nghiệp tập trung ven đường quốc lộ 18A ở các xã để thu hút đầu tư công nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng nâng cấp hệ thống điện cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt trong huyện.

b) Tiểu vùng trung du miền núi: bao gồm các xã Dục Yên, Quảng Tân, Quảng Lợi, Quảng Lâm và Quảng An, có diện tích 18.274 ha, chiếm 63% diện tích toàn huyện, địa hình vùng này bị chia cắt, đi lại khó khăn; dân cư phần lớn

là đồng bào dân tộc, trình độ dân trí thấp, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, sống ở các bản vùng cao.

Phát triển sản xuất nông, lâm kết hợp là phương hướng phát triển kinh tế cơ bản lâu dài của vùng, có ý nghĩa vừa đảm bảo phát triển vốn rừng, vừa khai thác hiệu quả tài nguyên đất dốc.

Đối với nông nghiệp khai thác điều kiện thuận lợi về quỹ đất phát triển kinh tế trang trại để hình thành các vùng cây công nghiệp và cây ăn quả hàng hóa, trước mắt tập trung phát triển mạnh cây chè tạo vùng nguyên liệu ổn định cho phát triển chế biến công nghiệp.

Chăn nuôi: tập trung phát triển đàn bò, dê lấy thịt, tận dụng lợi thế đồng cỏ để chăn thả, phát triển gia súc lớn.

Lâm nghiệp: tập trung cho mở rộng diện tích che phủ rừng, thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, trồng rừng phòng hộ đặc biệt là rừng phòng hộ hồ thủy lợi Đầm Hà Động; đẩy mạnh trồng các loại cây như: quế, hồi, gỗ trụ mỏ, gỗ làm giấy...;

Hướng ưu tiên đầu tư: tập trung cho sản xuất và chế biến sản phẩm từ rừng, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất trường, lớp, giáo viên tại các thôn, bản. Tăng cường đào tạo nghề cho con em vùng đồng bào dân tộc trong giai đoạn tới (tại chương trình dạy nghề của tỉnh).

Xây dựng bể nước sạch tại các thôn bản đồng bào dân tộc, đưa tỷ lệ dân được dùng nước hợp vệ sinh đến 2010 đạt 60% và đến 2020 đạt 100%.

c) Vùng kinh tế biển và hải đảo: Hướng phát triển chính của vùng là khai thác hải sản, tận dụng bãi triều để nuôi trồng thủy hải sản theo phương thức thâm canh hoặc bán thâm canh kết hợp trồng rừng ngập mặn. Phát triển đảo Vạn Vược, Núi Cuống, đảo Đá Dựng trở thành khu du lịch sinh thái và xa hơn là khu kinh tế - thương mại ven biển trong vành đai Khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà đang được khởi công xây dựng.

VI. Các giải pháp chủ yếu:

1. Giải pháp vốn đầu tư:

- Theo tính toán sơ bộ để đảm bảo được mức tăng trưởng bình quân của nền kinh tế như quy hoạch đã đề ra, nhu cầu vốn đầu tư cần khoảng 849,83 tỷ đồng thời kỳ 2008 - 2010; thời kỳ 2011 - 2015 cần 1.890,74 tỷ đồng và thời kỳ 2016 - 2020 cần 3.142,11 tỷ đồng.

- Tổng hợp nhu cầu vốn từ các dự án ưu tiên thời kỳ quy hoạch, gồm cả vốn cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và phát triển sản xuất trên địa bàn huyện trong những năm tới.

Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội huyện Đầm Hà đến 2020

Đơn vị: tỷ đồng

Hạng mục	2000-2007	2008-2010	2011-2015	2016-2020
Tổng nhu cầu	1.877,88	849,83	1.890,74	3.142,12
Tỷ trọng %	100,0	100,0	100,0	100,0
- Nông lâm thủy sản	872,84	211,60	331,26	362,11
% so với tổng nhu cầu	46,48	24,90	17,52	11,52

- Công nghiệp, xây dựng	283,31	218,64	561,85	1.071,36
% so với tổng nhu cầu	15,09	25,73	29,72	34,10
- Thương mại d.vụ, du lịch	721,72	419,60	997,63	1.708,65
% so với tổng nhu cầu	38,43	49,37	52,76	54,38

- Cơ cấu đầu tư được chuyển đổi theo hướng đầu tư có hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm tạo tiềm lực cho phát triển lâu dài và tạo các khâu đột phá cho các ngành kinh tế trong huyện. Định hướng đầu tư các ngành lĩnh vực giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020 như sau:

+ Đầu tư vào ngành công nghiệp - TTCN, xây dựng, giao thông để tăng năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chiếm khoảng 29,72 - 34,10% tổng nguồn vốn

+ Đầu tư cho các lĩnh vực dịch vụ 52,76 - 54,38% tổng nguồn vốn.

+ Đầu tư cho nông lâm thủy sản: do vốn được đầu tư vào ngành công nghiệp - TTCN và dịch vụ lớn nên tỷ trọng so với tổng nhu cầu vốn giảm còn khoảng 17,52 - 11,52 % tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là đầu tư cho thủy sản, lâm nghiệp, chăn nuôi.

2. Khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư:

- Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư trên cần phải có hệ thống các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, tập trung vào các nguồn vốn chủ yếu sau:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA), trong đó cả từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách sẽ đáp ứng được khoảng 25 - 30% nhu cầu vốn đầu tư.

- Để nâng cao nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cần tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế huyện, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển. Kêu gọi Trung ương và tỉnh đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng lớn của mạng lưới giao thông, cung cấp điện...;

- Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và dân đóng góp chiếm khoảng 25 - 30% cơ cấu vốn đầu tư. Để tăng nguồn vốn này cần thực hiện cải cách hành chính, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư và có các biện pháp khuyến khích nhân dân và các doanh nghiệp bỏ vốn vào xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào công nghiệp, dịch vụ, tạo nhiều việc làm bằng cách tạo thuận lợi trong việc đăng ký kinh doanh, giao đất, cho thuê đất, thuê mặt bằng, miễn giảm thuế và tiền thuê đất, tiền sử dụng đất...;

- Vốn tín dụng và liên doanh, liên kết với các địa phương ngoài huyện (kể cả đầu tư nước ngoài): dự kiến đáp ứng khoảng 20 - 25% tổng nhu cầu vốn đầu tư. Vốn tín dụng đầu tư dài hạn, vốn từ quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia sẽ tập trung cho một số đơn vị sản xuất kinh doanh theo đối tượng ưu tiên, nhất là các doanh nghiệp nhà nước làm ăn hiệu quả thuộc các ngành công nghiệp, nuôi trồng thủy sản... đồng thời các doanh nghiệp phải vay vốn trung và dài hạn, huy động vốn

tự có, vốn cổ phần các hình thức liên doanh liên kết... để tạo nguồn cho đầu tư phát triển.

- Đối với các dự án xây dựng các công trình thuộc kết cấu hạ tầng như kiên cố hoá kênh mương, bê tông hoá đường giao thông nông thôn... phải cân đối và lồng ghép các nguồn vốn được Trung ương để lại (thuế tài nguyên, thu cấp quyền sử dụng đất...), vốn huy động bằng tiền nhân công trong dân và vốn vay, cân tính đến hiệu quả đầu tư và khả năng hoàn trả.

- Nguồn vốn được tạo ra từ cơ chế "thu hút nguồn lực từ quỹ đất" dự kiến chiếm khoảng 20 - 25% tổng nhu cầu vốn đầu tư.

3. Cơ chế, chính sách quản lý kinh tế:

- Khuyến khích phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó các doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nòng cốt hoặc hướng dẫn trong một số ngành và lĩnh vực. Đảm bảo quyền bình đẳng trong sản xuất kinh doanh giữa các thành phần kinh tế.

- Thực hiện các chính sách thông thoáng, cơ chế một cửa, để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào đầu tư trong huyện. Áp dụng một số chính sách thu hút đầu tư như BOT trong nước.

4. Giải pháp về thị trường:

- Phổ biến kịp thời các thông tin kinh tế, nhất là về cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội của các thành phần kinh tế. Xây dựng mạng lưới đại lý, các nhà phân phối tiêu thụ sản phẩm rộng khắp, đa dạng loại hình quy mô, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia;

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, dự báo thị trường, khuyến khích tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh ký kết hợp đồng sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong nước và từng bước xuất khẩu.

5. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ:

Có các biện pháp gắn phát triển khoa học công nghệ và ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học kỹ thuật vào sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, phù hợp điều kiện tự nhiên của huyện. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, có hiệu quả cao, nhất là trong lĩnh vực nông lâm thủy sản và tiểu thủ công nghiệp.

6. Phát triển nguồn nhân lực:

- Đẩy mạnh đào tạo và có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật cho các ngành của huyện. Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước.

- Mở rộng dạy nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động (nhất là lao động vùng cao). Tổ chức tốt các hình thức xúc tiến, hỗ trợ và giới thiệu việc làm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Hà tổ chức công bố công khai quy hoạch; triển khai thực hiện quy hoạch; phối hợp với các ngành liên quan lập quy hoạch ngành; lựa chọn các chương trình, dự án, công trình ưu tiên để đưa vào kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm; nghiên cứu và đề xuất các cơ chế chính sách thực hiện;

- Các Sở, ban, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Hà thực hiện quy hoạch đảm bảo sự thống nhất với quy hoạch các ngành, lĩnh vực của tỉnh và quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2020;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch KT-XH được duyệt; đề xuất các nội dung cần điều chỉnh bổ sung trong quá trình thực hiện;

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân tỉnh; Giám đốc Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đầm Hà; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0, GT1+2, QLDD2, QH1, NLN2, TH1;
- TT CBTHLT;
- Lưu: VT, QH2.
30H-QĐ04

**TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
CHỦ TỊCH**



Vũ Đức Đam

Vũ Đức Đam